

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 47/2022/DS-PT

Ngày 09 - 3 - 2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng
tặng cho quyền sử dụng đất
và yêu cầu công nhận quyền
sở hữu nhà ở”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Việt Trung.

Các Thẩm phán: Ông Trương Vĩnh Hữu.

Bà Nguyễn Thanh Nhân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**
Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2021/TLPT-DS ngày 10/3/2021 về việc tranh chấp “Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận quyền sở hữu nhà ở”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 164/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 86/2021/QĐ-PT ngày 16/3/2021, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh Phan Minh T, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phan Minh T:
Anh Võ Trọng K, sinh năm 1978 (Có mặt) (theo Giấy ủy quyền ngày 13/4/2021).

Địa chỉ: số 7/11, Phan Thanh G, phường 3, Tp.MT, tỉnh Tiền Giang.

- **Bị đơn:** 1. Ông Phan Văn S, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

2. Bà Lê Thị U, sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang

- **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Phan Văn M, sinh năm 1981.

2. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1963.
3. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1969.
4. Bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1968.
5. Bà Trần Thị X, sinh năm 1967.
6. Bà Nguyễn Thị Bé E, sinh năm 1967.
7. Bà Võ Thị H, sinh năm 1971.
8. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1987.
9. Bà Lê Thị K, sinh năm 1954.
10. Bà Lê Thị Bé N, sinh năm 1959.
11. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1963.
12. Bà Phạm Thị C2, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang

13. Bà Trần Thị P, sinh năm 1967

Địa chỉ: Ấp QC, xã NQ, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị C1, bà Trần Thị X, bà Nguyễn Thị Bé E, bà Võ Thị H, bà Nguyễn Thị T2, bà Lê Thị K, bà Lê Thị Bé N, bà Nguyễn Thị X, bà Phạm Thị C2, bà Trần Thị P và bà Nguyễn Thị Đ: Ông Nguyễn Đức D, sinh năm: 1968 (Theo văn bản ủy quyền ngày 22/4/2019, ngày 07/10/2019, ngày 15/10/2019, ngày 30/10/2019, ngày 07/11/2019, ngày 11/11/2019, ngày 19/11/2019), (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp LB, xã LH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

14. Bà Phạm Thị I, sinh năm 1967 (Có mặt).
15. Bà Trần Thị M, sinh năm 1946 (Có đơn xin vắng mặt).
16. Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1986 (Có mặt).
17. Ông Đinh Văn L1, sinh năm 1962.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L1: Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1986 (Theo văn bản ủy quyền ngày 11/6/2020 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

18. Bà Phạm Thị D, sinh năm 1978 (Có mặt).
19. Bà Trần Thị B, sinh năm 1970 (Có mặt).
20. Bà Phạm Thị KH, sinh năm 1975 (Có mặt).
21. Bà Huỳnh NH, sinh năm 1978 (Có mặt).
22. Bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1985 (Có đơn xin vắng mặt).
23. Bà Nguyễn Thị Bé C3, sinh năm 1970 (Có mặt).
24. Ông Nguyễn Văn M1, sinh năm 1968 (Có mặt).
25. Bà Tạ Thị Kim D1, sinh năm 1982 (Có đơn xin mặt).
26. Bà Phạm Thị V, sinh năm 1965 (Có mặt).
27. Bà Lê Kim T3, sinh năm 1973 (Có mặt).
28. Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang

29. Bà Phạm Thị Kim K1, sinh năm 1976 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

30. Bà Phạm Thị Nn, sinh năm 1987 (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp PH, xã PQ, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

31. Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ: Số 4, Võ Thanh T, khu phố 1, phường 4, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh D3, chức vụ: Chi cục trưởng.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn V3 - Chức vụ: Chấp hành viên (Theo văn bản ủy quyền ngày 13/8/2019) (Có đơn xin vắng mặt).

32. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn anh Phan Minh T, bị đơn ông Phan Văn S và bà Lê Thị U.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn anh Phan Minh T trình bày:

Vào năm 2017, anh có cho cha mẹ là ông S và bà U mượn số tiền 300.000.000 đồng để xây nhà. Ông S, bà U có hứa khi anh lập gia đình thì sẽ trả lại tiền, nên anh đã giao tiền cho ông S, bà U sử dụng. Ông S hứa nếu không có khả năng trả nợ cho anh thì ông sẽ chuyển nhượng toàn bộ đất và nhà cho anh. Nhưng đến thời điểm xây nhà thì ông S, bà U đã sử dụng hết số tiền nêu trên mà chưa xây nhà. Khi anh lập gia đình, ông S, bà U không có tiền trả nên ông bà đã thỏa thuận ông S sẽ chuyển nhượng thửa đất nêu trên với giá 300.000.000 đồng để cản trừ nợ. Khi làm thủ tục anh và ông S đã làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất để giảm được các khoản tiền thuế. Hợp đồng tặng cho đã được công chứng tại Văn phòng công chứng huyện CL, tỉnh Tiền Giang, anh đã nộp hồ sơ và đã nộp nghĩa vụ tài chính xong, nhưng đến nay anh vẫn chưa nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

Nay anh T yêu cầu công nhận hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 11/12/2017 giữa ông S và anh T đối với thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m², tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 27/11/2017 cho ông Phan Văn S để anh T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu công nhận quyền sở hữu căn nhà diện tích 173,3m² trên thửa đất nêu trên thuộc quyền sở hữu của anh T.

Ngày 01/6/2020, anh T có yêu cầu thay đổi, bổ sung một phần yêu cầu khởi kiện cụ thể như sau: Anh T yêu cầu công nhận một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 11/12/2017 giữa ông S và anh đối với diện tích

173,3m² nằm trong thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m², tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 27/11/2017 cho ông Phan Văn S để anh T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cán trừ số nợ 300.000.000 đồng. Anh T đồng ý hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 11/12/2017 giữa ông S và anh đối với diện tích 1.000m² nằm trong thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m², tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 27/11/2017 cho ông Phan Văn S. Anh T yêu cầu công nhận ngôi nhà cất trên diện tích 173,3m² nằm trong thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m², tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL là của anh T vì tiền cất nhà là của anh T.

* Bị đơn ông Phan Văn S trình bày:

Thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m² là do cha mẹ ông cho ông sử dụng và thờ cúng. Vào năm 2017, ông và bà U mượn con trai của ông là Phan Minh T số tiền 300.000.000 đồng để làm nhà, nhưng ông bà đã sử dụng tiền này để bù đắp cho việc chăn nuôi heo thua lỗ. Ông bà không có khả năng trả nợ cho anh T nên ông đã chuyển nhượng toàn bộ phần đất và nhà trên đất cho anh Triều để cán trừ nợ nhưng khi làm thủ tục ông S và anh T đã lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất để được giảm tiền thuế. Con của ông là anh T đã đóng góp xây căn nhà trên đất nên ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của anh T về việc yêu cầu công nhận một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 11/12/2017 giữa ông và anh T đối với diện tích 173,3m² nằm trong thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m², tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 27/11/2017 cho ông Phan Văn S để anh T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cán trừ số nợ 300.000.000 đồng. Ông đồng ý hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 11/12/2017 giữa ông và anh T đối với diện tích 1.000m² nằm trong thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m², tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 27/11/2017 và đồng ý công nhận ngôi nhà cất trên phần đất diện tích 173,3m² nằm trong thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m², tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL là của anh T vì tiền cất nhà là của anh T. Việc vợ ông là bà U thiếu nợ nhiều người, ông không hay biết nhưng ông đồng ý để một phần đất diện tích 1.000m² cho vợ ông là bà U trả nợ, phần đất còn lại ông cho con trai của ông để ở.

* Bị đơn bà Lê Thị U trình bày:

Vào đầu năm 2017, vợ chồng bà có mượn con trai là anh Phan Minh T số tiền 300.000.000 đồng để sửa nhà, vì nhà bị xuống cấp. Ông bà hứa khi nào anh T lập gia đình thì trả lại tiền, nếu không có tiền trả thì chồng bà là ông S phải chuyển nhượng toàn bộ đất và nhà ở gắn liền với đất cho anh T. Do chăn nuôi heo thua lỗ nên ông bà đã dùng số tiền này để bù đắp cho việc chăn nuôi, hiện bà và ông S không có khả năng trả nợ cho anh T nên ông S đã chuyển nhượng toàn bộ phần đất và nhà trên đất cho anh T, nhưng khi làm thủ tục ông S và anh T đã

lập hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất để được giảm tiền thuế. Nay bà thống nhất với ý kiến trình bày của ông S, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu công nhận một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 11/12/2017 giữa ông S và anh T đối với diện tích 173,3m² nằm trong thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m², tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 27/11/2017 cho ông Phan Văn S để anh T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cán trừ số nợ 300.000.000 đồng; hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 11/12/2017 giữa ông S và anh T đối với diện tích 1.000m² nằm trong thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m², tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 27/11/2017 và công nhận ngôi nhà cất trên phần đất diện tích 173,3m² nằm trong thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m², tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL là của anh T vì tiền cất nhà là của anh T. Bà thống nhất đồng ý với kết quả đo đạc và biên bản định giá ngày 21/8/2019 của Hội đồng định giá.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 có yêu cầu độc lập và ông Nguyễn Đức D - đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 trình bày:

Theo Quyết định thi hành án số 1141/QĐ-CCTHADS ngày 18/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang, bà U và ông S phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Thoa số tiền 16.600.000 đồng. Hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL đang thụ lý thi hành án buộc ông Sơn và bà Út có nghĩa vụ trả cho bà và những người được thi hành án với tổng số tiền 1.881.760.000 đồng. Ông S và bà U nợ tiền nhiều người nhưng ông bà lại đem tài sản duy nhất là quyền sử dụng đất thửa 422 tặng cho con trai là anh T để tẩu tán tài sản. Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang đã ban hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2017/QĐ-BPKCTT ngày 15/12/2017. Đến ngày 13/02/2019, Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL đã ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 15/QĐ-CCTHADS, tiến hành kê biên quyền sử dụng đất thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m², tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang để thi hành án. Phần đất này do ông Phan Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trên đất có một căn nhà, đây là tài sản duy nhất của ông S và bà U để đảm bảo thi hành án cho bà T2 và những người được thi hành án khác. Tuy nhiên, ông S và bà U nợ nhiều người nhưng lại đem tài sản duy nhất là quyền sử dụng đất thửa 422 tặng cho con trai là anh T để tẩu tán tài sản. Nên nay bà T2 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn Đức D - đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2 yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 11/12/2017 của ông Phan Văn S và anh Phan Minh T đối với thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m² là vô hiệu.

* Ông Trần Văn V3 - đại diện theo ủy quyền của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang trình bày:

Ông thống nhất ý kiến trình bày như Công văn 107/CCTHADS ngày 13/08/2019, hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL đang thụ lý thi hành 53 quyết định thi hành án. Nội dung các quyết định: Buộc ông S và bà U có nghĩa vụ trả cho 30 nguyên đơn với tổng số tiền 1.881.760.000 đồng. Ngoài ra, ông S và bà U còn phải nộp tiền án phí là 70.285.500 đồng, tổng cộng là 1.952.045.000 đồng. Do ông S và bà U không tự nguyện thi hành án nên ngày 14/02/2019 Chấp hành viên Chi cục thi hành án dân sự huyện CL đã ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 15/QD-CCTHADS, tiến hành kê biên quyền sử dụng đất thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m², tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất do ông Phan Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đối với việc tặng cho quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở giữa ông Phan Văn S với anh Phan Văn T thực hiện trước thời điểm có quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và trước khi có bản án, quyết định Tòa án xác định nghĩa vụ trả nợ của ông S, bà U. Ngoài ra anh T đã thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước xong chỉ chờ ngày nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất của các bên đã đăng ký tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai để thực hiện thủ tục sang tên là đảm bảo phù hợp trình tự, thủ tục luật định. Việc Chi cục Thi hành án dân sự kê biên tài sản để thi hành án là phù hợp quy định pháp luật. Do thời điểm kê biên Chi cục thi hành án dân sự huyện chưa nhận được thông báo thụ lý của Tòa án. Để đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của người được thi hành án và anh Phan Minh T, Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Phan Minh T về yêu cầu công nhận ngôi nhà gắn liền diện tích đất 173,3m² theo hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đã được công chứng viên chứng nhận ngày 11/12/2017 được ký kết giữa ông S và anh T.

* Ông Nguyễn Đức D - người đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị C, bà Phạm Thị C2, bà Nguyễn Thị X, bà Lê Thị Bé N, bà Nguyễn Thị Bé E, bà Võ Thị H, bà Trần Thị X, bà Nguyễn Thị C1, bà Trần Thị P, bà Lê Thị K trình bày:

Ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn do ông S và bà U không có thiện chí trả nợ. Cụ thể hai năm qua, ông bà có đi làm và có thu nhập ổn định nhưng ông bà không trả cho những người được thi hành án một khoản tiền nào. Hiện ông S và anh T cũng chưa tiến hành thủ tục hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất đã ký ngày 11/12/2017. Mặt khác Cơ quan thi hành án kê biên phần đất thửa 422, tờ bản đồ số 03 nêu trên thì những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được thi hành án đã yêu cầu Cơ quan thi hành án khi kê biên để lại hơn 100m² đất để ông S, bà U cùng gia đình có chỗ cất nhà sau này. Nay ông thống nhất đồng ý với yêu cầu độc lập của bà T2 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất ngày 11/12/2017, được

ký kết giữa anh Phan Minh T và ông Phan Văn S đối với thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m² nêu trên là vô hiệu.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh NH trình bày:

Ngày 25/2/2017, bà có cho bà U và ông S mượn số tiền 200.000.000 đồng để làm nhà nhưng đến ngày 11/12/2017 ông S làm hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất cho con trai là anh T và yêu cầu công nhận nhà là của anh T để trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho bà và những người được thi hành án khác. Hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện CL đang thi hành án buộc ông S và bà U có nghĩa vụ trả cho những người được thi hành án với tổng số tiền 1.881.760.000 đồng. Chi cục thi hành án dân sự huyện CL đã ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 15/QĐ-CCTHADS, tiến hành kê biên quyền sử dụng đất thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3 m², tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang và toàn bộ tài sản gắn liền trên đất do ông Phan Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T. Bà đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà T2.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị I trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức D; ông S và bà U nợ nhiều người với số tiền phải thi hành án là 1.881.760.000 đồng nhưng ông S lại tặng cho tài sản duy nhất là đất nhà nêu trên cho con trai là anh T nhằm tẩu tán tài sản. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T. Bà đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị V trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức D; ông S và bà U nợ nhiều người với số tiền phải thi hành án là 1.881.760.000 đồng nhưng ông S lại tặng cho tài sản duy nhất là đất nhà nêu trên cho con trai là anh T nhằm tẩu tán tài sản. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T. Bà đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị D trình bày:

Ông S và bà U có nợ bà số tiền 36.700.000 đồng. Hiện bà đã yêu cầu ông S và bà U thi hành án số tiền này. Bà thống nhất với ý kiến trình bày của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức D; ông S và bà U nợ nhiều người với số tiền phải thi hành án là 1.881.760.000 đồng nhưng ông S lại tặng cho tài sản duy nhất là đất nhà nêu trên cho con trai là anh T nhằm tẩu tán tài sản. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T. Bà đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị KH trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức D; ông S và bà U nợ nhiều

người với số tiền phải thi hành án là 1.881.760.000 đồng nhưng ông S lại tặng cho tài sản duy nhất là đất nhà nêu trên cho con trai là anh T nhằm tẩu tán tài sản. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T. Bà đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn M1 trình bày:

Ông thống nhất với ý kiến trình bày của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức D; ông S và bà U nợ nhiều người với số tiền phải thi hành án là 1.881.760.000 đồng nhưng ông S lại tặng cho tài sản duy nhất là đất nhà nêu trên cho con trai là anh T nhằm tẩu tán tài sản. Nay ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T. Ông đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy L và là người đại diện theo ủy quyền của ông Đinh Văn L1 trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức D; ông S và bà U nợ nhiều người với số tiền phải thi hành án là 1.881.760.000 đồng nhưng ông S lại tặng cho tài sản duy nhất là đất nhà nêu trên cho con trai là anh T nhằm tẩu tán tài sản. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T. Bà đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức D; ông S và bà U nợ nhiều người với số tiền phải thi hành án là 1.881.760.000 đồng nhưng ông S lại tặng cho tài sản duy nhất là đất nhà nêu trên cho con trai là anh T nhằm tẩu tán tài sản. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T. Bà đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị B trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức D; ông S và bà U nợ nhiều người với số tiền phải thi hành án là 1.881.760.000 đồng nhưng ông S lại tặng cho tài sản duy nhất là đất nhà nêu trên cho con trai là anh T nhằm tẩu tán tài sản. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T. Bà đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N1 trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức D; ông S và bà U nợ nhiều người với số tiền phải thi hành án là 1.881.760.000 đồng nhưng ông S lại tặng cho tài sản duy nhất là đất nhà nêu trên cho con trai là anh T nhằm tẩu tán tài sản. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T. Bà đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé C3 trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức D; ông S và bà U nợ nhiều người với số tiền phải thi hành án là 1.881.760.000 đồng nhưng ông S lại tặng cho tài sản duy nhất là đất nhà nêu trên cho con trai là anh T nhằm tẩu tán tài sản. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T. Bà đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị Kim D1 trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức D; ông S và bà U nợ nhiều người với số tiền phải thi hành án là 1.881.760.000 đồng nhưng ông S lại tặng cho tài sản duy nhất là đất nhà nêu trên cho con trai là anh T nhằm tẩu tán tài sản. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T. Bà đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Kim T3 trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức D; ông S và bà U nợ nhiều người với số tiền phải thi hành án là 1.881.760.000 đồng nhưng ông S lại tặng cho tài sản duy nhất là đất nhà nêu trên cho con trai là anh T nhằm tẩu tán tài sản. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T. Bà đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T4 trình bày:

Bà thống nhất với ý kiến trình bày của đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đức D; ông S và bà U nợ nhiều người với số tiền phải thi hành án là 1.881.760.000 đồng nhưng ông S lại tặng cho tài sản duy nhất là đất nhà nêu trên cho con trai là anh T nhằm tẩu tán tài sản. Nay bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh T. Bà đồng ý với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T2.

* Bản án dân sự sơ thẩm số 164/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang, đã căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 124 Bộ luật dân sự; Điều 8, Điều 9 Luật nhà ở; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Minh T về việc: yêu cầu công nhận một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 11/12/2017 giữa ông Phan Văn S và anh Phan Minh T đối với diện tích 173,3m² nằm trong thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m², tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 27/11/2017 cho ông Phan Văn S; yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng

cho quyền sử dụng đất lập ngày 11/12/2017 giữa ông Phan Văn S và anh Phan Minh T đối với diện tích 1.000m² nằm trong thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m², tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 27/11/2017; yêu cầu công nhận ngôi nhà cất trên diện tích đất 173,3m² thuộc thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m² tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL là của anh T thuộc quyền sở hữu của anh Phan Minh T.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho tài sản giữa ông Phan Văn S và anh Phan Minh T đối với tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m² tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 27/11/2017 cho ông Phan Văn S đứng tên được công chứng ngày 11/12/2017 là vô hiệu.

3. Về án phí: Anh Phan Minh T phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh T đã nộp 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 16243 ngày 18/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Vậy anh T đã thi hành xong án phí.

Trả lại chị Nguyễn Thị T2 số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 17464 ngày 02/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 13/10/2020, nguyên đơn anh Phan Minh T có đơn kháng cáo yêu cầu: sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Triều.

* Ngày 13/10/2020, bị đơn ông Phan Văn S, bà Lê Thị U có đơn kháng cáo yêu cầu: sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày:

- Ngày 03/3/2022, nguyên đơn anh Phan Minh T có đơn xin rút đơn khởi kiện và đơn kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Trọng K - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phan Minh T đề nghị rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của anh T.

- Ngày 03/3/2022, bị đơn ông Phan Văn S và bà Lê Thị U có đơn xin rút đơn kháng cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà U trình bày: bà và ông S vẫn giữ nguyên yêu cầu xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo và đồng ý với việc rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Phan Minh T.

- Ông Nguyễn Đức D là đại diện theo ủy quyền của ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị C1, bà Trần Thị X, bà Nguyễn Thị Bé E, bà Võ Thị H, bà Nguyễn Thị T2, bà Lê Thị K, bà Lê Thị Bé N, bà Nguyễn Thị X, bà Phạm Thị C2, bà Trần Thị P và bà Nguyễn Thị Đ: không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện và rút đơn kháng cáo của nguyên đơn anh Phan

Minh T, đề nghị giữ nguyên phần chấp nhận đối với yêu cầu độc lập của bà T2 theo bản án sơ thẩm.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa gồm Phạm Thị I, Nguyễn Thị Thùy L, Phạm Thị D, Trần Thị B, Huỳnh NH, Nguyễn Thị Bé C3, Nguyễn Văn M1, Phạm Thị V, Lê Kim T3: không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện và rút đơn kháng cáo của nguyên đơn anh Phan Minh T, đề nghị giữ nguyên phần chấp nhận đối với yêu cầu độc lập của bà T2 theo bản án sơ thẩm.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Kiểm sát viên phát biểu và đề nghị Hội đồng xét xử sửa Bản án sơ thẩm số 164/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của TAND huyện CL, tỉnh Tiền Giang như sau:

- Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Phan Minh T và của bị đơn Phan Văn S, Lê Thị U.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Minh T về việc yêu cầu công nhận một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 11/12/2017 giữa ông Phan Văn S và anh Phan Minh T đối với diện tích 173,3m² nằm trong thửa 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m², tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 27/11/2017 cho ông Phan Văn S; Yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 11/12/2017 giữa ông Phan Văn S và anh Phan Minh T đối với diện tích 1.000m² nằm trong thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m², tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 27/11/2017; Yêu cầu công nhận ngôi nhà cất trên diện tích đất 173,3m² thuộc thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m², tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL là của anh T thuộc quyền sở hữu của anh Phan Minh T.

- Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2: Tuyên bố hợp đồng tặng cho tài sản giữa ông Phan Văn S và anh Phan Minh T đối với tài sản là quyền sử dụng đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m², tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 27/11/2017 cho ông Phan Văn S đứng tên được công chứng ngày 11/12/2017 là vô hiệu.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và áp dụng pháp luật trong việc giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật dân sự và tố tụng dân sự trong giai đoạn xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Phan Văn S; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị M, bà Nguyễn Thị N1, bà Phạm Thị D, bà Nguyễn Thị T4, bà Phạm Thị Kim K1, bà Phạm Thị Nn, đại diện Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang vắng mặt. Căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Trọng K - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phan Minh T đề nghị rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của anh T theo đơn ngày 03/3/2022 đã nộp cho Tòa án. Bị đơn ông Phan Văn S và bà Lê Thị U đề nghị rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo theo đơn ngày 03/3/2022; đồng ý với việc rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Phan Minh T.

Ông Nguyễn Đức D – đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị T2; đồng thời cũng là đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phan Văn M, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị C, bà Phạm Thị C2, bà Nguyễn Thị X, bà Lê Thị Bé N, bà Nguyễn Thị Bé E, bà Võ Thị H, bà Trần Thị X, bà Nguyễn Thị C1, bà Trần Thị P, bà Lê Thị K; không đồng ý với việc rút đơn khởi kiện và rút đơn kháng cáo của nguyên đơn anh Phan Minh T. Ông Nguyễn Đức D cho rằng việc rút đơn khởi kiện và rút đơn kháng cáo của nguyên đơn; bị đơn ông Phan Văn S và bà Lê Thị U đồng ý; và việc bị đơn ông Phan Văn S, bà Lê Thị U rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo làm ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Nguyễn Thị T2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

Anh Võ Trọng K - đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Phan Minh T, bị đơn ông Phan Văn S và bà Lê Thị U thống nhất trình bày: nguyên đơn, bị đơn không tranh chấp nữa; có thiện chí muốn bán 01 phần diện tích đất còn lại sau khi trừ diện tích đất đã xây dựng nhà để lấy tiền trả nợ cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phần diện tích đất còn lại của thửa 422 đã có người muốn mua với giá khoảng 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng) đủ khả năng thi hành án, trả nợ cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Xét thấy: Việc rút đơn khởi kiện và rút đơn kháng cáo của nguyên đơn anh Phan Minh T được bị đơn ông Phan Văn S và bà Lê Thị U đồng ý; và việc bị đơn ông Phan Văn S, bà Lê Thị U rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo là hoàn toàn tự nguyện phù hợp quy định pháp luật, nhưng không được đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2 có yêu cầu độc lập và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng ý.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần sửa một phần bản án sơ thẩm: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn anh Phan Minh T, bị đơn ông Phan Văn S, bà Lê Thị U; Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị T2 theo quy định pháp luật.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Anh T, ông S và bà U phải chịu 50% án phí dân sự phúc thẩm và chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 6 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 148, 217, 218, 289, 299, khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 124 Bộ luật dân sự; Điều 8, Điều 9 Luật nhà ở; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 164/2020/DS-ST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Phan Minh T; yêu cầu kháng cáo của ông Phan Văn S, bà Lê Thị U.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phan Minh T về việc: yêu cầu công nhận một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 11/12/2017 giữa ông Phan Văn S và anh Phan Minh T đối với diện tích 173,3 m² nằm trong thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m², tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 27/11/2017 cho ông Phan Văn S; yêu cầu hủy một phần hợp đồng tặng cho quyền sử dụng đất lập ngày 11/12/2017 giữa ông Phan Văn S và anh Phan Minh T đối với diện tích 1.000 m² nằm trong thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m², tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang, do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp ngày 27/11/2017; yêu cầu công nhận ngôi nhà cất trên diện tích đất 173,3m² thuộc thửa đất số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3m² tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL là của anh T thuộc quyền sở hữu của anh Phan Minh T.

3. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T2.

Tuyên bố hợp đồng tặng cho tài sản giữa ông Phan Văn S và anh Phan Minh T đối với tài sản là quyền sử dụng đất thửa số 422, tờ bản đồ số 03, diện tích 1.173,3 m² tại ấp MĐ, xã ML, huyện CL, tỉnh Tiền Giang do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày

27/11/2017 cho ông Phan Văn S đứng tên được công chứng ngày 11/12/2017 là vô hiệu.

3. Về án phí:

3.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phan Minh T phải chịu 600.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh T đã nộp 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 16243 ngày 18/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang. Vậy anh Triều đã thi hành xong án phí.

Trả lại chị Nguyễn Thị T2 số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 17464 ngày 02/01/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Anh Phan Minh T phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005981 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL. Hoàn lại anh T 150.000 đồng.

Ông Phan Văn S, bà Lê Thị U mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 600.000 đồng tạm ứng án phí mà ông S, bà U đã nộp theo 02 biên lai thu số 0005985 và 0005986 ngày 15/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CL. Hoàn lại ông S, bà U mỗi người 150.000 đồng.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
 - TAND huyện CL;
 - THADS huyện CL;
 - Đăng công thông tin điện tử;
 - Các đương sự;
 - Lưu: VT, hồ sơ vụ án.
- DSPT-2022-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Trung

